

BẢNG GIÁ SỐ 6

PHỤ LỤC 54: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI XÃ CỬU AN

(Ban hành kèm Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

ĐVT: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
1	Quốc lộ 19	Ranh giới phường An Khê (phường Ngô Mỹ cũ)	Hết Cầu 18	2.520.000		
		Hết Cầu 18	Hết Cầu 17	1.350.000		
		Hết Cầu 17	Giáp ranh giới xã Bình Khê	1.100.000		
2	Đường liên xã (đường lâm nghiệp)	Quốc lộ 19	Ranh giới thôn An Điền Nam	470.000		
		Ranh giới thôn Thượng An 3 (xã Song An cũ)	Ranh giới thôn An Thạch (xã Xuân An cũ)	360.000		
		Ranh giới thôn An Thạch (xã Xuân An cũ)	Làng Hòa Bình (xã Tú An cũ)	255.000		
		Ranh giới thôn An Thạch (xã Xuân An cũ)	Giáp Ngã tư làng Pơ Nang	200.000		
		Ngã tư làng Pơ Nang	Đường Tỉnh 669	255.000		
3	Đường tỉnh 669	Ranh giới phường An Khê (phường An Phước cũ)	Ranh giới thôn An Xuân 1 (xã Xuân An cũ)	670.000		
		Thôn An Xuân 1 (xã Xuân An cũ)	Thôn Tú Thủy 1 (xã Tú An cũ)	720.000		
4	Đường đi trụ sở xã Cửu An	Ranh giới phường An Phước (cũ) (Cầu suối La)	Giáp đường liên xã (đường lâm nghiệp)	438.000		

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí 1 (Mặt tiền tuyến đường)	Vị trí 2	Vị trí 3
		Từ nơi	Đến nơi			
5	Đường phía Đông nhà máy MDF	Quốc lộ 19	Hết đường (hết ranh giới đất ông Võ Văn Mến)	400.000		
6	Đường bê tông khu QH Chợ Cừu An	Đường đi trụ sở xã Cừu An	Ngã tư đường bê tông xi măng thôn An Bình	292.000		
7	Đường bê tông xi măng thôn An Bình	Ranh giới phường An Khê (phường An Phước cũ)	Ngã tư trạm điện	310.000		
8	Đường bê tông	Ngã 3 Tú Thủy	Ngã tư làng Pơ Nang	220.000		
9	Đường nhựa dọc kênh dẫn thủy điện An Khê - Kanak	Ranh giới phường An Khê (phường An Phước cũ)	Đường liên xã (đường lâm nghiệp)	310.000		
10	Đường liên thôn An Xuân 3 - An Thạch	Đường Tỉnh 669	Giáp đường liên xã (đường lâm nghiệp)	490.000		
11	Đường đi ngầm An Xuân 3	Đường Tỉnh 669	Ngầm An Xuân 3	490.000		
12	Khu quy hoạch dân cư trung tâm xã Xuân An (cũ)	Các lô khu QH trung tâm xã		520.000		
13	Đường khu quy hoạch tái định cư thôn An Bình; các tuyến đường D1, D2-1, D2-2			310.000		
14	Các tuyến đường bê tông quy hoạch dân cư khu trung tâm xã			220.000		
15	Khu vực 1			305.000	244.000	195.000
16	Khu vực 2			214.000	171.000	137.000
17	Khu vực 3			150.000	120.000	96.000